TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 35/2022/QĐST-DS	*Long Hồ , ngày 18 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Phạm Trí Trường**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Hiếu

2. Ông Quách Tử Điệc

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235, 244 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 115/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Giá đất các bên thống nhất theo giá nhà nước quy định là 88.000đồng/1m^2. Số cây (Gỗ xây dựng) là tài sản chung giá trị là 4.500.000đồng (anh R đang quản lý). Nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn 10.000.000dồng để di dời phần nhà trên đất đã giao cho nguyên đơn. Thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Bích T**, sinh năm 1979

Bị đơn: anh **Nguyễn Văn R**, sinh năm 1969

Cùng địa chỉ: ấp Hòa Quí, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Người chứng kiến: Chị Hồ Thị Diễm H, sinh năm 1987 là em dâu của chị Trương Thị Bích T. Địa chỉ: ấp Hòa Quí, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về đất: Thửa đất số 404 diện tích 180,4m^2 tờ bản đồ số 11 toạ lạc tại ấp Hoà Quí, xã Hoà Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long là tài sản chung của ông Nguyễn Văn R và bà Trương Thị Bích T.

Bà Trương Thị Bích T được quyền sử dụng 90,6m^2 gồm các mốc 1,2,3,4. Ông Nguyễn Văn R được quyền sử dụng 89,8m^2 gồm các mốc 1,5,6,2. (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 09/7/2021 của Phòng tài nguyên môi trường huyện Long Hồ).

Ông Nguyễn Văn R bà Trương Thị Bích T có quyền nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ông Nguyễn Văn R có nghĩa vụ giao cho bà Trương Thị Bích T 2.225.000đồng giá trị gỗ xây dựng.

2.2 ***Về di dời tài sản trên đất:*** Sau khi có quyết định của Toà án về công nhận sự thoả thuận của các đương sự cho đến ngày 01/01/2023 ông Nguyễn Văn R có nghĩa vụ tháo dỡ di dời phần căn nhà đang tồn tại trên phần đất do bà T được quyền sử dụng.

Bà Trương Thị Bích T có nghĩa vụ giao cho ông Nguyễn Văn R 10.000.000đ(Mười triệu đồng) tiền hổ trợ di đời nhà.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.3 Về chi phí đo đạc định giá là 1.995.000 (Một triệu chín trăm chín mươi lăm ngàn đồng) bà Trương Thị Bích T tự nguyện nộp và đã nộp xong.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn R phải nộp số tiền án phí là (89,9m^2 x88.000đ +2.225.000đ)x5% =506.000đồng. (Năm trăm lẻ sáu ngàn đồng)

Bà Trương Thị Bích T nộp số tiền án phí là (90,6m^2 x 88.000đ + 2.225.000đ) x5 % = 510.000đ. (Năm trăm mười ngàn đồng). Bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo lai thu số 0006550 ngày 16/3/2021, tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ. Bà Trương Thị Bích T có nghĩa vụ nộp thêm 210.000đ (Hai trăm mười ngàn đồng) tiền án phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân

sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS
- Đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trí Trường